

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 3922/QĐ-ĐHCT ngày 15 tháng 8 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)

## 1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Ngành: **Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan** (Horticulture and Landscape Design)

Mã ngành: 7620113

Số lượng tín chỉ: 161 tín chỉ Thời gian đào tạo: 4,5 năm Loại văn bằng: Kỹ sư

Hình thức đào tạo: Chính quy, Vừa làm vừa học, Đào tạo từ xa

Phương thức tổ chức đào tạo: trực tiếp và trực tuyến

Đơn vị quản lý: Khoa Sinh lý - Sinh hóa, Trường Nông nghiệp.

## 2. Mục tiêu đào tạo

### 2.1 Mục tiêu đào tạo chung

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan đào tạo kỹ sư có kiến thức chuyên môn về rau hoa quả và thiết kế cảnh quan; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo trong quá trình sản xuất rau hoa quả, cây cảnh; thiết kế và thi công cảnh quan cho các công trình đô thị, nhà ở, khu nghỉ dưỡng; có khả năng sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin đáp ứng theo quy định; có các kiến thức cơ bản về chính trị, kinh tế - xã hội, pháp luật; có năng lực quản lý và điều hành các công trình trong lĩnh vực kiến trúc cảnh quan cũng như các quá trình sản xuất rau hoa quả hiện đại; có năng lực tự học, tự chịu trách nhiệm, thích nghi với sự biến động kinh tế xã hội và hội nhập quốc tế.

### 2.2 Mục tiêu đào tạo cụ thể

a. Trang bị cho sinh viên có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe, có ý thức phục vụ cộng đồng, có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, sử dụng được công nghệ thông tin và khả năng giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh.

b. Trang bị cho sinh viên các kiến thức chuyên môn về lĩnh vực sản xuất rau hoa quả và thiết kế cảnh quan cho các công trình kiến trúc; có khả năng đề xuất, vận hành và quản lý các dự án về sản xuất rau hoa quả, kiến trúc phong cảnh đáp ứng nhu cầu xã hội và sự phát triển bền vững.

c. Đào tạo sinh viên sử dụng thành thạo các phần mềm ứng dụng trong thiết kế cảnh quan; trang bị cho sinh viên kiến thức về thiết kế, bảo dưỡng cảnh quan, phương pháp nhân giống và kỹ thuật trồng các loại rau hoa quả và cây kiểng, các công nghệ bảo quản rau hoa quả sau thu hoạch.

d. Rèn luyện sinh viên có tư duy khoa học, sáng tạo trong công việc, kỹ năng làm việc tập thể, năng lực tự học nâng cao trình độ, trách nhiệm nghề nghiệp, ý thức cộng đồng, có các năng lực đáp ứng được yêu cầu việc làm trong các lĩnh vực liên quan và có khả năng khởi nghiệp.

## 3. Chuẩn đầu ra

Hoàn thành chương trình đào tạo Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan trình độ đại học, người học có khả năng:

### 3.1 Kiến thức

#### 3.1.1 Khôii kiến thức giáo dục đại cương

a. Liên hệ các kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và pháp luật vào các hoạt động chuyên môn của nghề nghiệp.

b. Vận dụng được các lý thuyết cơ bản về giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh phù hợp với thực tiễn.

### **3.1.2 Khôi kiến thức cơ sở ngành**

a. Xác định phương pháp nghiên cứu quan đến lĩnh vực rau hoa quả, xử lý và phân tích các kết quả đạt được để đề ra các giải pháp phù hợp trong sản xuất.

b. Đánh giá và quyết định phương án kiến trúc cảnh quan theo yêu cầu.

### **3.1.3 Khôi kiến thức chuyên ngành**

a. Đề xuất các kỹ thuật nhân giống, trồng và bảo quản rau hoa quả và cây cảnh phù hợp với đặc tính thực vật của từng loài và điều kiện tự nhiên.

b. Lựa chọn các phần mềm trong thiết kế cảnh quan để đề xuất, triển khai và quản lý các công trình và dự án cảnh quan về đô thị, nhà ở.

## **3.2 Kỹ năng**

### **3.2.1 Kỹ năng cứng**

a. Thiết lập và quản lý vườn ươm rau, hoa, quả, cây kiểng bằng phương pháp nhân giống vô tính và hữu tính.

b. Thiết kế và bảo dưỡng cây xanh, cây cảnh cho biệt thự, nhà ở, khu dân cư, khu công nghiệp, trục giao thông, công viên, khu nghỉ dưỡng theo yêu cầu.

c. Đề xuất các kỹ thuật trồng hoa và cây cảnh, bảo quản rau hoa quả sau thu hoạch vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh.

### **3.2.2 Kỹ năng mềm**

a. Giao tiếp bằng một ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và ứng dụng hiệu quả năng lực số theo quy định hiện hành để triển khai, giám sát và quản lý công trình cảnh quan, dự án rau hoa quả.

b. Lập kế hoạch, giao tiếp, làm việc nhóm, và giải quyết hiệu quả các vấn đề phức tạp liên quan học tập và nghiên cứu chuyên môn.

## **3.3 Thái độ/Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân**

Hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ xác định theo kế hoạch với thái độ thân thiện, trung thực, nhiệt tình, năng động và sáng tạo, duy trì ý thức bảo vệ môi trường và kiến tạo cảnh quan thiên nhiên.

## **4. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp**

- Cán bộ kỹ thuật, quản lý trong các công ty sản xuất rau hoa quả, cây cảnh; các cơ quan ban ngành, ban quản lý các công trình cảnh quan.

- Thành lập công ty tư nhân sản xuất rau hoa quả hoặc thiết kế và bảo dưỡng cảnh quan.

- Nghiên cứu và giảng dạy ở các trường, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc lĩnh vực công nghệ rau hoa quả và cảnh quan.

## **5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

- Có năng lực tự học nâng cao trình độ chuyên môn và sáng tạo trong công việc.

- Học cao học ngành Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan trong và ngoài nước.

## **6. Các chương trình đào tạo, tài liệu, chuẩn quốc gia và quốc tế tham khảo**

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

- Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- Horticulture and Landscape Architecture, College of Agricultural Sciences at Colorado State University.

- Garden and Landscape Design, University of Plymouth, England, United Kingdom

- Horticulture: Landscape design, Perdue University.

- Trường đại học Nông Lâm TP. HCM, ngành Cảnh quan và kỹ thuật hoa viên.

- Trường đại học Nông Lâm Huế, ngành Công nghệ rau hoa quả & cảnh quan.

- Trường đại học Kiến trúc Hà Nội, ngành Kiến trúc cảnh quan

- Trường đại học Kiến trúc HCM, ngành Kiến trúc cảnh quan

## 7. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HP Song hành
<b>Khối kiến thức Giáo dục đại cương</b>									
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8	Bổ trí theo nhóm ngành	
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8	Bổ trí theo nhóm ngành	
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		24	21	Bổ trí theo nhóm ngành	
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56	Bổ trí theo nhóm ngành	
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90		
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		AV	60			
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45			XH023
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45			XH024
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60			XH025
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45			XH031
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45			XH032
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4		PV	60			
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45			FL001
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			45			FL002
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4			60			FL003
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3			45			FL007
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3			45			FL008
18	CT003	Năng lực số ứng dụng (*)	1	1			15		
19	CT004	Thực hành Năng lực số ứng dụng (*)	2	2			60		CT003
20	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45			
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014	
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016	
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018	
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019	
25	KL001E	Pháp luật đại cương	2	2		30			
26	ML007	Logic học đại cương	2		2	30			
27	XH028	Xã hội học đại cương	2			30			
28	XH011E	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30			
29	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30			

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HP Song hành
30	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30			
31	KN001E	Kỹ năng mềm	2			20	20		
32	KN002E	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20		
33	TN059	Toán cao cấp B	3	3		45			
34	TN042	Sinh học đại cương	2	2		30			
35	TN043	TT. Sinh học đại cương	1	1			30		
36	TN019	Hóa học đại cương	3	3		45			
37	TN020	TT. Hóa học đại cương	1	1			30		TN019
<b>Cộng: 49 TC (Bắt buộc 34 TC; Tự chọn: 15 TC)</b>									
<b>Khối kiến thức cơ sở ngành</b>									
38	NN123	Sinh hóa B	2	2		30			
39	NN124	TT. Sinh hóa	1	1			30		NN123
40	NN128T	Sinh lý thực vật A	3	3		45			
41	NN130	TT. Sinh lý thực vật	1	1			30		
42	NN126E	Di truyền học đại cương	2	2		30			
43	NN127	TT. Di truyền học đại cương	1	1			30		NN126E
44	TN340E	Nuôi cấy mô thực vật	2	2		20	20		
45	NS164E	Nhập môn Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan	2	2		30			
46	NS165	Hình họa và Vẽ kỹ thuật - CQ	2	2		20	20		
47	NN529	Phì nhiêu đất B	2			20	20		
48	NN442	Sinh học phân tử cây trồng	2			30			
49	NS145E	Chất điều hòa sinh trưởng thực vật ứng dụng trong nông nghiệp	2			20	20		
50	NN376	Dinh dưỡng cây trồng	2			20	20		
51	NN143	Hóa bảo vệ thực vật B	2			20	20		
52	NN444	Cỏ dại và cách phòng trừ	2		14	20	20		
53	CS111	Vi sinh học đại cương B	2			20	20		
54	NS122	Sinh lý cây trồng trong điều kiện bất lợi	2			20	20		
55	NS382	Tế bào học ứng dụng	2			20	20		
56	XH415E	Du lịch sinh thái	2			30			
57	CN004	Khí tượng thủy văn	2			20	20		
58	NN515E	Mỹ học ứng dụng	2			30			
59	SP169	Phân loại thực vật B	2	2		20	20		
60	NN131	Thỏ nhưỡng B	2	2		20	20		
61	NN438	Côn trùng - HV và CC	2	2		20	20		
62	NN439	Bệnh cây - HV và CC	2	2		20	20		
63	NN518	Kỹ thuật trồng hoa và cây cảnh	3	3		30	30		
64	NN111ET	Phương pháp nghiên cứu khoa học - Nông nghiệp	2	2		15	30		
65	KT005E	Quản trị doanh nghiệp đại cương	2	2		30			
66	NN169T	Xác suất thống kê và phép thí nghiệm - TT&NH	3	3		30	30	TN059	
67	NN142	Anh văn chuyên môn hoa viên và cây cảnh	2		2	30			
68	XH019	Pháp văn chuyên môn - KH&CN	2			30			
<b>Cộng: 50 TC (Bắt buộc 34 TC; Tự chọn: 16 TC)</b>									
<b>Khối kiến thức chuyên ngành</b>									
69	NN175	Trắc địa đại cương	2	2		15	30		
70	NS166	Đồ họa ứng dụng trong thiết kế cảnh quan 1	2	2		20	20	NS165	
71	NS167	Đồ họa ứng dụng trong thiết kế cảnh quan 2	2	2		20	20	NS166	
72	NN446	Kiến trúc phong cảnh	2	2		30		NS167	
73	NN453	Nghệ thuật hoa viên	2	2		20	20		
74	NS258	Kỹ thuật sản xuất cây ăn trái và rau sạch	3	3		30	30		
75	NS384	Công nghệ sau thu hoạch rau hoa quả	2	2		20	20		
76	NN452	Cỏ và cây cảnh đô thị	2	2		20	20		
77	NN448	Quy hoạch, thiết kế và bảo dưỡng cảnh quan	2	2		20	20	NS167	
78	NS208	Sinh lý học thực vật ứng dụng	2	2		20	20		
79	NN464	Kỹ thuật nhân giống rau hoa quả và quản lý vườn ươm	2	2		20	20		
80	NN565T	Thực tập cơ sở - RHQ&CQ	2	2			60		
81	NN566T	Thực tập giáo trình - RHQ&CQ	2	2			60		

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HP Song hành
82	NN522	Dinh dưỡng hoa và cây cảnh	2	2		20	20		
83	NN567	Kỹ thuật chăm hoa và trình bày mâm trái cây	2	2		20	20		
84	NN447	Thiết bị và công cụ làm vườn	2		16	20	20		
85	NN450	Hệ thống tưới tiêu	2			20	20		
86	NS267	Phương pháp thủy canh	2			20	20		
87	NS298	Xử lý ra hoa cây cảnh	2			20	20		
88	NN473	Quản lý dịch hại rau hoa quả	2			20	20		
89	TS310	Kỹ thuật nuôi cá cảnh và thủy đặc sản	2			30			
90	NN193	Kỹ thuật Bonsai	2			20	20		
91	KT360E	Quản trị sản xuất	3			45			
92	NS369	Kỹ thuật trồng hoa lan	2			20	20		
93	NN460	Kỹ thuật trang trí nội thất	2			20	20		
94	NN521	Phong thủy	2			20	20		
95	NS168	Đồ án thiết kế cảnh quan 1	2				60	NS167	
96	NS169	Đồ án thiết kế cảnh quan 2	2				60	NS167	
97	NS520	Luận văn tốt nghiệp - RHQ	15				450	≥125TC	
98	NS433E	Tiểu luận tốt nghiệp - RHQ	6				180	≥125TC	
99	NS158	IPM và IPHM trong bảo vệ thực vật 1	2			15	20	20	
100	NN390E	Thực hành nông nghiệp tốt (GAP)	2		20		20		NS433E
101	NN245	Hệ thống thông tin địa lý - GIS	2		20		20		NS433E
102	NS461	Nấm ăn và Nấm dược liệu	2		20		20		NS433E
103	NN514	Sản xuất cây trồng sạch	2		20		20		NS433E
104	NN389E	Sản xuất cây trồng quy mô trang trại	2		30				NS433E
105	KT240	Marketing nông nghiệp	3		30		30		NS433E
106	NS418E	Xây dựng và đánh giá dự án nông nghiệp	2		30				NS433E
107	KT244	Phân tích chuỗi cung ứng hàng nông sản	2		22		16		NS433E
108	MT308E	Quản lý và đánh giá tác động môi trường	2		30				NS433E
<b>Cộng: 62 TC (Bắt buộc: 31 TC; Tự chọn: 31 TC)</b>									
<b>Tổng cộng: 161 TC (Bắt buộc: 99 TC; Tự chọn: 62 TC)</b>									

(\*): là học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy. Sinh viên có thể hoàn thành các học phần trên bằng hình thức nộp chứng chỉ theo quy định của Trường Đại học Cần Thơ hoặc học tích lũy.

**BAN GIÁM HIỆU  
HIỆU TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG KH&ĐT  
CHỦ TỊCH**

**TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP  
HIỆU TRƯỞNG**

**Trần Trung Tính**

**Trần Ngọc Hải**

**Lê Văn Vàng**